

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 19 tháng 05 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				53,704
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	256	9,472,000
	Được chi trong ngày				9,525,704
	Đã chi trong ngày				9,495,675
	1. Dịch vụ				256,000
1	Gas sáng		0	256	0
2	Gas trưa		1,000	256	256,000
	2. Kho				235,000
	Ăn chính				235,000
1	Sữa Grow IQ Plus	Kg	235,000	1	235,000
	3. Đi chợ				9,004,675
	Ăn chính				9,004,675
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	13	354,900
2	Khoai môn	Kg	52,500	10	525,000
3	Đậu cove	Kg	47,250	0.5	23,625
4	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.3	23,625
5	Hành tây	Kg	36,750	1	36,750
6	Rau ngò	Kg	147,000	0.2	29,400
7	Rau om	Kg	36,750	0.1	3,675
8	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
9	Nấm rơm	Kg	189,000	1.5	283,500
10	Nước dừa tươi	Kg	10,500	3	31,500
11	Thịt nạc dằm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	199,500	2	399,000
12	Lươn	Kg	336,000	3.5	1,176,000
13	Trứng vịt	Trứng	5,565	120	667,800
14	Đường kính	Kg	38,850	3	116,550
15	Nước tương	Kg	39,960	1	39,960
16	Tôm sú	Kg	378,000	4	1,512,000
17	Muối iốt	Kg	5,500	1	5,500
18	Nho mỹ	Kg	294,000	9	2,646,000
19	Cải ngọt	Kg	36,750	1	36,750
20	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	3	200,880
21	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	2	157,680
22	Dầu hào	Chai	69,120	1	69,120
23	Dấm ăn	Lít	21,600	1	21,600
24	Miến Phú Hương	Kg	45,360	11	498,960
25	Cà rốt	Kg	36,750	3	110,250
26	Ngò gai	Kg	52,500	0.1	5,250
27	Củ hành tím	Kg	68,250	0.2	13,650
	Chỉ kho lũy kể từ đầu tháng				5,536,000
	Chỉ chợ lũy kể từ đầu tháng				97,046,971
	Suất ăn lũy kể từ đầu tháng			2,854	
	Tiêu chuẩn lũy kể từ đầu tháng				105,598,000
	Đã chi lũy kể từ đầu tháng				105,567,971
	Chênh lệch cuối ngày				30,029

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy